

Phát triển kinh tế tư nhân ở tỉnh Đắk Lắk: Thực trạng, một số vấn đề đặt ra và giải pháp

Trương Thị Hạnh^a

Tóm tắt:

Kinh tế tư nhân (KTTN) tỉnh Đắk Lắk trong những năm gần đây có sự phát triển thể hiện qua sự gia tăng về quy mô, số lượng doanh nghiệp, vốn, doanh thu, lợi nhuận,... Sự có mặt của các doanh nghiệp tư nhân (DNTN) tạo điều kiện giải quyết việc làm cho người dân địa phương và góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Tuy nhiên, KTTN ở Đắk Lắk vẫn còn nhiều hạn chế. Mặc dù số lượng doanh nghiệp (DN) tăng nhanh nhưng quy mô DN vẫn tập trung ở phân khúc siêu nhỏ và nhỏ; thiếu lao động tay nghề cao; thu nhập của công nhân thấp hơn nhiều so với nhiều vùng miền khác trong cả nước; vốn ít; tổng doanh thu chủ yếu đến từ tăng số lượng DN mà không phải tăng giá trị sản lượng. Các ngành được coi là thế mạnh của tỉnh như khai khoáng, vận tải kho bãi và dịch vụ lưu trú, ăn uống,... có mức lỗ đáng báo động trong những năm gần đây. Chính vì vậy, Nhà nước cần hoàn thiện các cơ chế, chính sách, hệ thống pháp luật nhằm đảm bảo đầy đủ hành lang pháp lý, tạo điều kiện cho loại hình KTTN phát triển. Bên cạnh đó, các DNTN cũng cần khắc phục những khó khăn và phát huy nội lực của mình để đem đến hiệu quả về mặt kinh tế góp phần thúc đẩy xã hội phát triển.

Từ khóa: *giải pháp, kinh tế tư nhân, phát triển, thực trạng, vấn đề*

^a Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên; 1A Nguyễn Văn Linh, Tân An, Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk, Việt Nam. e-mail: hanhht.sin@gmail.com

Private Sector Development in Dak Lak Province: Practical Situation, Issues, and Solutions

Truong Thi Hanh

Abstract:

The private sector of Dak Lak province has developed in recent years, which has been reflected by the increase in the size, the number of enterprises, the amount of capital, revenue, profit, etc. The presence of the private enterprises creates favorable conditions in solving jobs issues for local people and contributes to socio-economic development. However, the private sector in Dak Lak still has many limitations. Although the number of enterprises is rapidly increasing, the size of them still concentrates on the micro and small segments; lack of skilled labor; workers' incomes are much lower than many other regions in the country; little capital; total revenue mainly comes from increasing the number of enterprises, not from increasing the value of output. The key industries of the province such as mining, transportation, logistics accommodation, and catering services,... have been alarming losses in recent years. Therefore, the State needs to improve mechanisms, policies, legal systems to ensure the full legal corridor, and create conditions for the development of the private sector. In addition, the private enterprises also need to overcome difficulties and promote their internal resources to bring about economic efficiency, contributing to social development.

Key words: *development, practical situation, private sector, issues, solutions*

Received: 26.5.2022; Accepted: 29.8.2022; Published: 20.10.2022

Đặt vấn đề

Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần với nhiều loại hình kinh tế đã được Đảng ta nêu ra từ Đại hội VI (1986). Đây là chủ trương, chính sách nhất quán và lâu dài của Đảng. Qua các kỳ đại hội Đảng, vị trí và vai trò của khu vực kinh tế tư nhân (KTTN) dần được khẳng định và nhấn mạnh. Cụ thể, trong Văn kiện Đại hội X của Đảng năm 2006 nhận định “*KTTN là một trong những động lực của nền kinh tế*”; Nghị quyết Đại hội XII của Đảng năm 2016 cũng chỉ rõ hoàn thiện cơ chế chính sách để tạo thuận lợi phát triển mạnh KTTN ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế, trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Điều này một lần nữa được khẳng định trong Nghị quyết số 10-NQ/TW lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển KTTN trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đưa KTTN phát triển nhanh, bền vững, đa dạng với tốc độ tăng trưởng cao cả về số lượng, quy mô, chất lượng và tỷ trọng trong tổng sản phẩm nội địa (GDP). Đại hội Đảng lần thứ XIII (2021) một lần nữa khẳng định: phát triển mạnh mẽ khu vực KTTN cả về số lượng, chất lượng, hiệu quả “*thực sự trở thành một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế*” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021). Thực tiễn qua hơn 30 năm đổi mới đã chứng minh rằng, những chủ trương trên của Đảng là hoàn toàn phù hợp với yêu cầu khách quan, là quyết sách chiến lược đúng đắn, sáng tạo góp phần vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

Đối với tỉnh Đắk Lắk, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của việc phát triển nền KTTN đối với phát triển kinh tế-xã hội của địa phương nên đã đề ra nhiều cơ chế, chính sách, tạo hành lang pháp lý nhằm thúc đẩy, phát triển loại hình kinh tế này. Những thành tựu đạt được của KTTN trong những năm qua góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế, huy động các nguồn lực vào sản xuất kinh doanh, tạo thêm nhiều việc làm, cải thiện đời sống nhân dân, tăng tích lũy, góp phần giữ vững ổn định chính trị-xã hội. Tuy nhiên, lĩnh vực KTTN ở Đắk Lắk còn nhiều thách thức và hạn chế thể hiện qua thực trạng hoạt động của các DNTN. Bài viết này tìm hiểu về thực trạng nền KTTN ở tỉnh Đắk Lắk và đưa ra những giải pháp góp phần thúc đẩy nền KTTN phát triển.

Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận về phát triển kinh tế tư nhân

* *Kinh tế tư nhân*: KTTN là một thuật ngữ được sử dụng rất phổ biến, tuy nhiên hiện nay vẫn được hiểu theo khá nhiều cách khác nhau. Theo Ayyagari và cộng sự (2003), KTTN là một phần của nền kinh tế được điều hành bởi các cá nhân và công ty không thuộc sở hữu nhà nước vì mục tiêu lợi nhuận. Do đó, KTTN bao gồm tất cả các doanh nghiệp

hoạt động vì lợi nhuận không thuộc sở hữu hoặc điều hành của chính phủ (Ayyagari et al., 2003; Zhang, 2019) cũng thống nhất với Ayyagari và cộng sự (2003) cho rằng, khu vực KTTN là khu vực không thuộc sở hữu của chính phủ. Theo CIEM (2018), KTTN tại Việt Nam được xác định là khu vực kinh tế nằm ngoài khu vực kinh tế nhà nước (không bao gồm khu vực có vốn đầu tư nước ngoài), bao gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân dựa trên sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Hiện nay, KTTN tồn tại dưới các hình thức như: DNTN, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần (không có hoặc có vốn nhà nước dưới 50%) và các hộ kinh doanh cá thể (Zhang, 2019).

Như vậy, từ các quan điểm trên cho thấy, theo quan niệm chung nhất, khái niệm KTTN được dùng để chỉ thành phần kinh tế thuộc cơ cấu kinh tế của một quốc gia, được hình thành và phát triển dựa trên chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận và tồn tại dưới hình thức doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần (không có hoặc có vốn nhà nước dưới 50%) và các hộ kinh doanh cá thể.

* *Phát triển kinh tế tư nhân*: Phát triển là một phạm trù có nhiều định nghĩa, nhiều cách biểu đạt, song nhìn chung đều thống nhất xem “phát triển” là một phạm trù của triết học, là quá trình vận động tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn của một sự vật. Từ đó có thể hiểu phát triển khu vực KTTN là sự gia tăng về quy mô và thay đổi về cấu trúc (chất lượng) của khu vực KTTN theo hướng tiến bộ. Trong phạm vi nghiên cứu của bài báo này, tác giả tìm hiểu phát triển KTTN thông qua các chỉ số như sự gia tăng về quy mô, số lượng doanh nghiệp; sử dụng lao động và tạo việc làm; phát triển về vốn, hiệu quả hoạt động tài chính của các DNTN như doanh thu, lợi nhuận.

Phương pháp nghiên cứu

Để làm rõ thực trạng phát triển KTTN ở Đắk Lắk, tác giả sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh và đánh giá trên các dữ liệu thứ cấp để đưa ra những vấn đề có tính lý luận và thực tiễn liên quan đến phát triển KTTN nói chung và KTTN ở Đắk Lắk nói riêng. Các dữ liệu thứ cấp được thu thập, cập nhật từ một số sách, báo, tạp chí, các báo cáo về KTTN của Ủy ban Nhân dân tỉnh, Sở Công thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk và thông tin trên internet có liên quan. Dữ liệu về KTTN được thu thập từ giai đoạn 2010 đến năm 2020 để có cơ sở so sánh sự phát triển của KTTN. Từ đó, đưa ra các giải pháp góp phần thúc đẩy KTTN ở Đắk Lắk phát triển.

Kết quả và thảo luận

Thực trạng hoạt động của các DNTN tại tỉnh Đắk Lắk

Trước khi thực hiện công cuộc đổi mới, cộng đồng doanh nghiệp ngoài nhà nước chưa được ghi nhận về mặt pháp lý. Sau khi đổi mới, Luật Doanh nghiệp nhà nước (1995, 2003), Luật Doanh nghiệp nhà nước (1990, sửa đổi bổ sung 1994), Luật Công ty (1990), Luật Doanh nghiệp (1999, 2005), Luật Hợp tác xã (1996, 2003), Luật Đầu tư nước ngoài (1996), Luật Đầu tư (2005), Luật Phá sản (1993, 2004),... được ban hành đặt cơ sở pháp lý đầu tiên cho việc hình thành và phát triển hệ thống DNTN. Bên cạnh đó, kinh tế người dân ngày càng phát triển, nhiều hộ dân đã tích lũy được nguồn lực lớn về vốn; nhiều hộ dân cũng đã có những sự liên kết trong sản xuất và hình thành các hợp tác xã, trang trại; nhu cầu về các loại hàng hóa của xã hội ngày càng cao,... Chính vì vậy, các DNTN được thành lập và ngày càng mở rộng, đánh dấu tầm quan trọng của các DNTN trong mắt xích để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk.

Quy mô về số lượng doanh nghiệp

Với sự khuyến khích mạnh mẽ và tạo nhiều điều kiện thuận lợi của Nhà nước cùng với nhiều chính sách khuyến khích, phát triển của địa phương và sự nỗ lực phấn đấu của nhiều chủ doanh nghiệp, hộ dân,... khiến các doanh nghiệp (DN) vừa và nhỏ trong lĩnh vực KTTN trên địa bàn Đắk Lắk đã có bước phát triển đáng kể về số lượng.

Sau hơn 10 năm triển khai kế hoạch số 87-KH/TU, ngày 17.11.2009 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Đắk Lắk về “*Xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể trong các DNTN và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài*” theo tinh thần “*phát triển KTTN trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*”, đặc biệt với sự ra đời của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đã góp phần thúc đẩy các DNTN ngày càng phát triển, cụ thể:

Năm 2010, tỉnh Đắk Lắk có 2.408 DN, trong đó có 82 DN nhà nước; 2.324 DN ngoài nhà nước và 02 DN có vốn đầu tư nước ngoài (DN FDI). Đến năm 2020 số lượng các DN ở Đắk Lắk tăng lên 4.976 (tăng 2.568 DN so với 2010), trong đó có 50 DN nhà nước (giảm 32 DN); 4.921 DN ngoài nhà nước (tăng 2.597DN) và 05 DN FDI (tăng 03 DN).¹ Qua quá trình hơn 10 năm phát triển cho thấy xu hướng các DN nhà nước ngày càng giảm xuống và các DNTN ngày càng chiếm ưu thế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, tốc độ tăng bình quân 300

¹ Số liệu do tác giả xử lý từ số liệu *Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk 2020* và Báo cáo số 593/SKHĐT-DN về việc Báo cáo “*Tổng kết việc thực hiện kế hoạch số 87-KH/TU ngày 17/11/2009*” của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

DN/năm. Các DNTN tăng mạnh trong năm 2013 và 2020. Trong năm 2013 số lượng DN tăng mạnh là do hộ kinh doanh vàng và nông sản chuyển thành DN; trong năm 2020 tăng mạnh là do có nhiều DN ngoài tỉnh hoạt động theo hình thức chi nhánh trên địa bàn tỉnh.

Năm 2020, DN ngoài nhà nước chiếm 98,89%, DN nhà nước chiếm 1% và DN FDI 0,1%. Trong các loại hình DN ngoài nhà nước thì DNTN có 953 DN (19,15%); công ty hợp doanh: ba (0,06%); công ty TNHH: 3.643 (73,21%); công ty cổ phần có vốn nhà nước: bốn (0,08%); công ty cổ phần không có vốn nhà nước: 318 (6,39%); DN FDI: năm (0,1%) (Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk, 2020).

Số lượng DN trong thời gian vừa qua tăng nhanh nhưng quy mô DN không có nhiều thay đổi, vẫn tập trung ở phân khúc DN siêu nhỏ và nhỏ với những rào cản chính về nội lực như: vốn, kinh nghiệm, quản trị,... hay về ngoại lực như: môi trường, chính sách,... nên chưa tạo đà cho sự phát triển của DN.

Sử dụng lao động và tạo việc làm

Do số DNTN tăng lên đáng kể nên thu hút lực lượng lớn người lao động tham gia vào lĩnh vực này. Tổng số lao động có biến động mạnh trong năm 2020 so với năm 2010, cụ thể: năm 2010, số lao động trong các DN ngoài nhà nước là 47.606 người (chiếm 58,21% trong cơ cấu DN tỉnh Đắk Lắk), đến năm 2020 là 54.467 người (74,4%), trong đó: DNTN từ 6.342 người (7,75%) tăng lên 6.757 người (7,86%); công ty hợp doanh 133 người (năm 2019 chiếm 0,19%) giảm xuống 15 người (năm 2020 chiếm 0,02%); công ty TNHH 29.541 người (36,12%) tăng lên 38.795 người (52,99%); công ty cổ phần có vốn nhà nước 2.398 người (2,93%) giảm xuống 366 người (0,50%); công ty cổ phần không có vốn nhà nước 9.352 người (11,40%) tăng lên 9.534 người (13,2%).²

Đến năm 2020, lực lượng lao động trong lĩnh vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm đến 74,4% trong toàn ngành kinh tế ở Đắk Lắk, tăng 16,19% so với năm 2010; các DN nhà nước từ chỗ 41,60% giảm xuống còn chiếm 25,4% và DN FDI từ 0,19% năm 2010 tăng lên 0,56% năm 2020. Xét quy mô doanh nghiệp theo lao động thì hiện nay tỉnh Đắk Lắk có 47 DN lớn, chiếm 0,94% doanh nghiệp toàn tỉnh. Còn lại 99,06% các DN nhỏ và vừa, có quy mô lao động dưới 200 người, DN siêu nhỏ chiếm đến 76,51%, DN nhỏ và vừa chỉ chiếm 22,55% số lượng DN tại Đắk Lắk.

Theo khu vực kinh tế, so với năm 2010, lực lượng lao động trong nông lâm, ngư nghiệp đã giảm từ tỷ trọng 34,6% xuống còn 21,86%. Trong khi đó, lực lượng lao động ở hai khu vực còn lại tăng lên đáng kể. Các DNTN trong khu vực công nghiệp-xây dựng và

² Số liệu do tác giả xử lý từ số liệu *Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk 2020*.

khu vực dịch vụ hấp thụ chủ yếu lực lượng lao động của nền kinh tế, với tỷ lệ lao động lần lượt là 39,19% và 38,94%. Điều này một mặt cho thấy chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tích cực tại tỉnh Đắk Lắk. Mặt khác, các số liệu trên phản ánh khu vực dịch vụ-thương mại của tỉnh Đắk Lắk chưa tạo nhiều việc làm như kì vọng, với số lượng DN ngành dịch vụ gấp đôi ngành công nghiệp xây dựng mà tỷ lệ việc làm tạo ra tương đương, cho thấy ngành công nghiệp xây dựng đang thâm dụng lao động hơn so với ngành dịch vụ tại tỉnh. Trong ngành công nghiệp thì chế biến chế tạo và xây dựng vẫn sử dụng nhiều lao động nhất và không có xu hướng giảm xuống. Trong khi đó, đối với ngành dịch vụ, lao động tập trung chủ yếu ở các ngành bán buôn, bán lẻ với số lượng DN nhiều và quy mô nhỏ, siêu nhỏ chiếm đa số.

Mặc dù chiếm tỷ trọng nhỏ, nhưng điểm sáng trong chuyển dịch cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế tại tỉnh Đắk Lắk được tìm ra tại một số ngành nghề. Chẳng hạn, tỷ trọng lao động trong lĩnh vực hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng từ 0,19% năm 2010 lên đến 0,48% năm 2020; kinh doanh bất động sản tăng từ 0,19% lên đến 0,48%; hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ tăng từ 2,75% lên đến 4,56%; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng gấp đôi tỷ trọng lao động từ 0,51% lên đến 1,2% giai đoạn 2010 - 2020 (Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk, 2020). Đây đều là những ngành tạo nền tảng quan trọng cho việc phát triển của các DN, đặc biệt có các ngành mới như bất động sản. Rõ ràng, khối DNTN đang thúc đẩy quá trình chuyển hóa lao động theo hướng tích cực. Có thể quá sớm để khẳng định kỳ vọng tăng năng suất do chuyển dịch lao động, song hoàn toàn có cơ sở để thấy được các cơ hội cải thiện năng suất lao động tại Đắk Lắk. Mặc dù vậy, vẫn còn những thách thức lớn đặt ra cho các DNTN về lao động có tay nghề, có chuyên môn và được đào tạo, tác phong công nghiệp chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu trong nước và quốc tế. Thực tế hiện nay, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo ở tỉnh Đắk Lắk vẫn ở mức thấp 13,9%, có sự chênh lệch rõ ràng giữa thành thị và nông thôn (thành thị là 26% trong khi ở nông thôn chỉ có 10%).

Theo địa bàn, do các DNTN tập trung chủ yếu ở thành phố Buôn Ma Thuột nên đây cũng là địa điểm thu hút chủ yếu lực lượng lao động toàn tỉnh, cụ thể: năm 2010 chiếm 48,62% lao động tăng lên 61,65% trong năm 2020. Tiếp theo thành phố Buôn Ma Thuột, các huyện: Cư Kuin, Ea H'leo, Ea Kar, Cư M'Gar... cũng thu hút lực lượng lao động lớn của tỉnh.

Xét về quy mô lao động, mặc dù có những biến chuyển lớn so với những năm trước nhưng so với bình diện chung toàn quốc thì các DN tỉnh Đắk Lắk còn nhỏ bé về quy mô lao động. Theo số liệu năm 2020, bình quân lao động trên một DN ở Đắk Lắk chỉ đạt 14,23 lao động, không cao hơn nhiều so với mức 14 lao động/DN của Tây Nguyên và thấp hơn hẳn mức 22 lao động/DN của toàn quốc.

Qua việc sử dụng lao động trong các DN trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk cho thấy, lực lượng lao động trong DN nhà nước ngày càng giảm về số lượng. Lĩnh vực thu hút vốn đầu tư nước ngoài cũng được chú trọng với các chính sách thu hút vốn và chính sách đầu tư. Tuy nhiên, đối với lĩnh vực này, do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan nên tỉnh Đắk Lắk chưa thu hút được nhiều DN nước ngoài tham gia góp vốn hoặc đầu tư theo chiều sâu. Lĩnh vực DNTN đang sử dụng một lực lượng lớn lao động trên địa bàn và ngày càng trở thành động lực quan trọng góp phần thúc đẩy kinh tế-xã hội phát triển.

Thu nhập bình quân một tháng của người lao động tại Đắk Lắk là 4.721.000 VND, thấp hơn rất nhiều so với mức thu nhập 7.514.000 VND của toàn quốc, và tương đương mức thu nhập trung bình toàn quốc 8 năm về trước (năm 2010, thu nhập bình quân toàn quốc là 4.124.000 VND). Nếu như trong thập kỉ trở lại đây, thu nhập bình quân/tháng của người dân toàn quốc tăng rõ rệt thì ở Đắk Lắk, mức thu nhập này cũng tăng nhưng tốc độ chậm hơn. Năm 2010, thu nhập bình quân tại Đắk Lắk là 2.539.000 VND, năm 2020 tăng lên đến 4.721.000 VND (Tổng cục Thống kê, 2020). So với bình diện toàn quốc năm 2020, Đắk Lắk đứng thứ 59/63 tỉnh thành về thu nhập lao động, chỉ cao hơn Đắk Nông, Sơn La, Điện Biên và Bạc Liêu.

Theo khu vực, lao động cho các DN FDI có mức lương cao nhất (9.244.000 VND/người/tháng). Tuy nhiên, cũng cần lưu ý, số lượng lao động trong khối FDI là không nhiều. Tiếp đến khu vực tư nhân có mức lương trung bình là 5.017.000 VND và tăng đều trong những năm gần đây. Đây là khối thu hút cả về lực lượng và chất lượng lao động, có thu nhập được cải thiện trong những năm qua và thu nhập thấp nhất là người lao động trong các DN nhà nước. Không những mức thu nhập bình quân thấp, hiệu suất sử dụng lao động tại các doanh nghiệp ở tỉnh Đắk Lắk là 23,6 lần cao thứ hai trong khu vực Tây Nguyên chỉ sau mức 54,5 lần của tỉnh Đắk Nông và vượt xa mức 14,7 lần của toàn quốc.

Quy mô doanh nghiệp theo vốn

So với mức trung bình chung toàn quốc, nguồn vốn bình quân cho các DN tại Đắk Lắk là rất khiêm tốn. Tính đến 31/12/2020, vốn trung bình cho một DN chỉ đạt 14,23 tỷ đồng, chỉ bằng 1/1,6 so với mức trung bình tại Tây Nguyên và xấp xỉ 1/3 so với mức trung bình toàn quốc. Nghĩa là, xét về quy mô vốn, một DN trung bình toàn quốc sẽ có mức vốn gấp 3 lần với một DN ở Đắk Lắk. Một DN trong khu vực Tây Nguyên cũng có mức vốn cao gấp 1,6 lần so với DN ở Đắk Lắk. Không những nhỏ bé về quy mô lao động, DN Đắk Lắk còn nhỏ bé cả về quy mô vốn, cụ thể: hơn 80% DN có vốn chủ sở hữu bình quân dưới 10 tỷ đồng, còn lại 18,59% là các DN với mức vốn từ 10 đến 200 tỷ đồng. Số DN có mức vốn trên 200 tỷ đồng là 1,04% (Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk, 2020). Theo hình thức sở hữu, mặc dù chiếm tỷ lệ nhỏ về số lượng, song 3/5 DN FDI có mức vốn trên 200 tỷ đồng, trong đó có một DN có số vốn 500 tỷ đồng. DN nhà nước có 13 DN với vốn

chủ sở hữu trên 500 tỷ đồng. Chiếm số lượng đông đảo nhưng quy mô nhỏ bé nhất là các DNTN - chỉ 0,71% DNTN có vốn chủ sở hữu trên 200 tỷ đồng.

Theo khu vực kinh tế, ngoại trừ một số DN nhà nước làm trong lĩnh vực nông nghiệp thì các DN có vốn chủ sở hữu lớn phân bố không đồng đều giữa các ngành nghề. Ngành công nghiệp - xây dựng sở hữu nhiều hơn các DN có vốn lớn, trong khi các ngành dịch vụ chủ yếu là DN nhỏ và vừa, nguồn vốn không dồi dào, số lượng DN có vốn lớn là rất hạn chế.

Theo địa bàn, các DN lớn với vốn chủ sở hữu trên 500 tỷ đồng lại không tập trung tại thành phố Buôn Ma Thuột mà phân bố ở Cư Kuin, Ea Kar, Krông Năng và Ea H'leo. Mặc dù vậy, Buôn Ma Thuột vẫn có 25 DN có vốn từ 200 đến dưới 500 tỷ đồng. Nhìn chung, do số lượng DN lớn tại tỉnh không đáng kể nên việc phân tích quy mô DN theo địa bàn không có nhiều ý nghĩa.

Dù phát triển nhanh về số lượng nhưng phần lớn DN tại Đắk Lắk nhỏ cả về vốn và lao động, chủ yếu hoạt động trong các lĩnh vực như công nghiệp chế biến, sơ chế nông sản, cao su, cà phê và dịch vụ. Một số DN lớn ở ngành nông lâm nghiệp là DN có vốn nhà nước. Các DN FDI chưa cho thấy nhiều đóng góp cho nền kinh tế tỉnh Đắk Lắk khi số lượng ít, quy mô không quá nổi bật, chưa thể hiện được vai trò kết nối trong nền kinh tế; đến hết năm 2020, trên địa bàn tỉnh chỉ có 09 DN có vốn đầu tư nước ngoài, hàng năm các DN này đóng góp trong khoảng từ 1 - 2% vào tổng thu cân đối ngân sách của tỉnh. Chính vì lý do này, các DN chưa khai thác được hết tiềm năng của địa phương, chưa liên kết được với nhau và không tận dụng được lợi thế về quy mô, dẫn đến còn nhiều khó khăn trong sản xuất.

Hiệu quả hoạt động tài chính của các doanh nghiệp tư nhân

Doanh thu

Số liệu tuyệt đối và tương đối đều cho thấy mức gia tăng đáng kể của tổng doanh thu các DN tại tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2010 - 2020. Xét theo hình thức sở hữu, DN FDI có mức tăng doanh thu nhanh nhất 26,42%, tiếp đến là các DNTN 12,72%. DNNN có tổng doanh thu tăng chậm chạp, trung bình tốc độ tăng là 3,52%/năm. Nếu tính tổng mức doanh thu thì tổng doanh thu cộng dồn của các DNTN nói chung tại Đắk Lắk đều tăng trong giai đoạn 2010 - 2020, với tốc độ tăng khu vực nhà nước, tư nhân và đầu tư nước ngoài lần lượt là 3,52%, 12,72% và 26,42%. Tốc độ tăng tổng doanh thu của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài là nhanh nhất.

Tuy nhiên, các dấu hiệu khả quan này không được tìm thấy khi xem xét doanh thu bình quân trên một DN. Thực chất mặc dù tổng doanh thu tăng, nhưng mức tăng này chủ yếu là do tăng về số lượng, hiệu quả hoạt động của các DNTN ở Đắk Lắk còn rất nhiều

vấn đề cần đề cập. Trước hết, xem xét doanh thu bình quân một DN, ngoại trừ DNNN tăng lên từ 213,91 tỷ đồng/doanh nghiệp năm 2010 đến 322,79 tỷ đồng năm 2020, DNTN và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đều bị sụt giảm trong doanh thu bình quân. Cụ thể, đến năm 2020, doanh thu bình quân một DNTN ở Đắk Lắk là 15,550 tỷ, giảm 2,4 tỷ so với năm 2010. Mức giảm này ở khu vực DN FDI là 358,669 tỷ đồng (Sở Công thương tỉnh Đắk Lắk, 2020). Như vậy, một thực tế đáng quan ngại được đưa ra, khối DNTN và khối DN FDI có mức tăng trưởng tổng doanh thu cao nhất lại là hai khối thực chất giảm về quy mô doanh thu từng DN. Có nghĩa là, tổng quy mô doanh thu chủ yếu đến từ tăng số lượng DN chứ không phải tăng giá trị sản lượng đóng góp của mỗi DN. Đây là một dấu hiệu thiếu bền vững của nền kinh tế.

Xét theo khu vực kinh tế, tổng doanh thu tăng lên nhưng không đuổi kịp tốc độ tăng của số lượng DN. Do đó, thực tế, doanh thu bình quân trên một DN giảm ở tất cả các lĩnh vực ngành nghề kinh tế. Năm 2020, trung bình một DN ở lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt mức doanh thu 10,79 tỷ đồng, con số này đối với lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ lần lượt là 11,26 tỷ đồng và 23,42 tỷ đồng. Các DN dịch vụ đạt mức doanh thu cao hơn hẳn so với hai lĩnh vực còn lại.

Cụ thể hơn, đi sâu vào phân tích lĩnh vực dịch vụ, doanh thu trung bình cao nhất thuộc về các ngành nghề bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy (30,52 tỷ đồng/DN), thông tin và truyền thông (40.675 tỷ đồng/DN), y tế, các hoạt động cứu trợ xã hội (32,12 tỷ đồng/DN). Giữa các lĩnh vực đạt doanh thu trung bình cao và các lĩnh vực có mức doanh thu thấp là một khoảng cách khá xa. Chẳng hạn như ngành tài chính ngân hàng, bảo hiểm doanh thu chỉ đạt 1,5 tỷ/DN/năm; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ 1,9 tỷ/DN/năm. Nếu như các ngành có tính chất hỗ trợ nền kinh tế trên phát triển sẽ góp phần thúc đẩy đổi mới công nghệ và xoay vốn cho các DN. Tuy nhiên, tại Đắk Lắk các ngành liên quan đến công nghệ, đổi mới, ngân hàng mới chỉ tăng về số lượng, tỷ trọng vẫn còn rất nhỏ và doanh thu hàng năm rất thấp so với các lĩnh vực khác cùng thời gian.

Theo địa phương, do chiếm tỷ trọng lớn về số lượng DN và không ngừng tăng lên qua các năm, thành phố Buôn Ma Thuột có tổng doanh thu cao nhất (63.421.345 triệu đồng). Xét trung bình từng DN, thì mức doanh thu trung bình tại thành phố Buôn Ma Thuột cũng ở mức có thể chấp nhận (21.690 triệu đồng). Ngoài ra, huyện Ea H'leo, Krông Búk, Krông Pắc cũng có mức doanh thu bình quân/DN khá khả quan, lần lượt là 18.430 triệu đồng, 23.058 triệu đồng và 18.617 triệu đồng. Nổi bật là kết quả doanh thu bình quân một DN của huyện Cư Kuin, đạt 61.620 triệu đồng, gấp 16,65 lần mức doanh thu thấp nhất (huyện Ea Súp: 3.205 triệu đồng) (Sở Công thương tỉnh Đắk Lắk, 2020). Khoảng cách này một lần nữa làm sâu sắc hơn sự chênh lệch phát triển DN giữa các địa phương của tỉnh Đắk Lắk.

Lợi nhuận

Lợi nhuận là một chỉ tiêu quan trọng thể hiện mức độ phát triển của các DN trong một khu vực. Tại Đắk Lắk năm 2015, tổng lợi nhuận sụt giảm, các năm còn lại, lợi nhuận DN theo hình thức sở hữu có nhiều biến động. DNTN và DN nhà nước tiếp tục là động lực của nền kinh tế khi đóng góp phần lớn lợi nhuận cho khu vực. Doanh nghiệp FDI với số lượng DN còn nhỏ nhưng cũng gia tăng mức đóng góp lợi nhuận cho tỉnh Đắk Lắk trong suốt thời gian vừa qua.

Theo ngành nghề, lợi nhuận của Đắk Lắk vẫn đang phụ thuộc chủ yếu vào sự đóng góp của các ngành nông, lâm, thủy sản, công nghiệp chế biến chế tạo, cung cấp nước, thông tin truyền thông. Những năm gần đây, Đắk Lắk cũng chứng kiến mức lỗ đáng báo động của các ngành vốn được coi là thế mạnh của tỉnh như khai khoáng, vận tải, kho bãi và dịch vụ lưu trú, ăn uống. Thực tế ba ngành kể trên chiếm số lượng DN lớn, thu hút nhiều lao động, song ba năm trở lại đây đều có mức tổng lợi nhuận không khả quan, âm liên tiếp trong nhiều năm. Một số lĩnh vực mới được chú trọng đầu tư như bất động sản, tài chính ngân hàng và DN khoa học cũng có mức lợi nhuận tăng trưởng âm trong năm 2020. Thực tế trên đã chứng minh, Đắk Lắk cần có bước chuyển mình thay vì chỉ dựa vào các DN nông nghiệp và các DN khai khoáng, sử dụng nhiều tài nguyên thiên nhiên vì các nguồn lực này là có hạn. Trong khi mức tài nguyên của Đắk Lắk đang có dấu hiệu sụt giảm thì việc đầu tư vào các lĩnh vực mới của tỉnh chưa hiệu quả, không mang lại lợi nhuận kì vọng cho DN. Theo địa phương, huyện Ea H'leo, M'Đrắk, Buôn Hồ cũng để lại nhiều lo ngại khi tổng lợi nhuận luôn âm trong ba năm vừa qua.

Một số vấn đề đặt ra

Từ thực trạng trạng phát triển KTTN ở tỉnh Đắk Lắk như đã phân tích ở trên cho thấy một số vấn đề đặt ra như sau:

** Hầu hết các DNTN tỉnh Đắk Lắk nhỏ bé về quy mô vốn, chủ yếu vẫn là kinh tế hộ:* Mức tích tụ vốn và tích lũy tài sản cố định của các DNTN vẫn còn thấp, hiệu quả sử dụng vốn thấp. Do nguồn vốn hạn chế nên việc đổi mới công nghệ còn chậm hoặc chưa thực hiện đồng bộ ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh trên thị trường; do thiếu vốn nên khó khăn trong việc đào tạo nâng cao tay nghề của người lao động và chủ DN về quản lý kinh doanh dẫn đến tình trạng là trình độ quản lý của nhiều DN hiện nay còn yếu kém. Nhiều DN có nhu cầu vay vốn nhưng không thể đáp ứng được điều kiện cho vay của các ngân hàng (không có tài sản thế chấp, phương án sản xuất, kinh doanh thiếu tính khả thi). Chất lượng tín dụng cho vay DN có xu hướng gia tăng, trong đó nợ xấu ngành nông,

lâm nghiệp và ngành công nghiệp xây dựng chiếm tỷ trọng cao, làm hạn chế khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, nguồn vốn chủ sở hữu của các DN nhỏ, chủ yếu là vốn vay ngân hàng. Với quy mô tín dụng gấp nhiều lần vốn chủ sở hữu của DN và cơ chế cho vay theo lãi suất không cố định, thả nổi theo lãi suất thị trường từng thời điểm, sẽ gây rủi ro rất lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của DN; đồng thời kéo theo rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng.

* *Thiếu lao động có tay nghề cao*: Số lượng DN không ngừng tăng nhanh trong những năm vừa qua đã tạo thêm nhiều cơ hội việc làm cho người lao động. Mặc dù vậy, vẫn còn những thách thức lớn đặt ra cho các DNTN về lao động có tay nghề, có chuyên môn và được đào tạo, tác phong công nghiệp chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu trong nước và quốc tế.

* *Ngày càng nhiều DNTN báo lỗ*: Số liệu tuyệt đối và tương đối đều cho thấy mức gia tăng đáng kể của tổng doanh thu các DN tại tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2010 - 2018. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng tổng quy mô doanh thu chủ yếu đến từ tăng số lượng DN chứ không phải tăng giá trị sản lượng đóng góp của mỗi DN. Những năm gần đây, Đắk Lắk cũng chứng kiến ngày càng nhiều DN báo lỗ, tỷ lệ DN kinh doanh có lãi và hòa vốn giảm dần. Đây là một dấu hiệu của sự phát triển thiếu bền vững của khu vực DN tại Đắk Lắk.

* *Trình độ quản lý của nhiều DNTN còn yếu, chưa ứng dụng mạnh công nghệ thông tin vào quản lý DN*: một số DN khi thành lập, bản thân chủ DN, người góp vốn chưa hiểu biết về các vấn đề pháp luật có liên quan, vì thế có một số trường hợp trong quá trình hoạt động sinh ra khiếu kiện, tranh chấp. Cơ cấu ngành nghề còn bất hợp lý, thiếu liên kết với nhau và với các thành phần kinh tế khác nên chất lượng sản phẩm do DN tạo ra giá trị gia tăng thấp, chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Bên cạnh đó năng lực hội nhập kinh tế quốc tế còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu tham gia các chuỗi giá trị sản xuất khu vực và toàn cầu. Tình trạng vi phạm pháp luật và cạnh tranh không lành mạnh còn khá phổ biến.

* *Quyền tự do kinh doanh và quyền tài sản, tiếp cận các cơ hội kinh doanh, nguồn lực xã hội chưa thực sự bình đẳng so với các thành phần kinh tế khác*: môi trường kinh doanh còn nhiều khó khăn, cơ chế, chính sách khuyến khích KTTN phát triển còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ.

* *Tiến độ đầu tư cơ sở hạ tầng chậm, công nghiệp hỗ trợ của tỉnh còn nhiều khó khăn*: các khu, cụm công nghiệp về tiến độ đầu tư cơ sở hạ tầng còn chậm do thiếu vốn đầu tư, cơ chế quản lý các cụm công nghiệp chưa thống nhất, nên việc thuê đất để xây dựng cơ sở sản xuất chưa được đáp ứng.

* *Các DNTN chưa khai thác được nhiều tiềm năng, lợi thế của tỉnh như*: đất đai, vùng nguyên liệu, lực lượng lao động,... nên hoạt động sản xuất kinh doanh, hiệu quả chưa

cao. Tình hình phát triển công nghiệp hỗ trợ của tỉnh còn nhiều khó khăn, hạn chế, nhỏ lẻ, chưa tương xứng với tiềm năng, nhu cầu của ngành công nghiệp tỉnh. Số lượng DN tham gia hoạt động xuất nhập khẩu còn ít. Hầu hết các DN phát triển trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ và xây dựng, chưa có nhiều DN đầu tư vào các ngành công nghiệp, trong lúc đó đối với tỉnh Đắk Lắk, công nghiệp chế biến rất quan trọng để tăng giá thành sản phẩm và hạn chế chi phí vận chuyển. Vẫn còn không ít DN chưa thực hiện đúng và đầy đủ các quy định, chính sách đối với người lao động. Còn có hiện tượng một số DN chưa chấp hành tốt các quy định của pháp luật như: tiến hành hoạt động kinh doanh khi chưa thực hiện đủ các quy định về điều kiện kinh doanh; sản xuất hàng hóa kém chất lượng; vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường; kê khai thuế chưa đầy đủ; chấp hành chưa tốt chế độ báo cáo tài chính.

Một số giải pháp

Thứ nhất, Nhà nước cần hoàn thiện các cơ chế, chính sách, hệ thống pháp luật nhằm đảm bảo đầy đủ hành lang pháp lý, tạo điều kiện cho loại hình KTTN phát triển, nâng cao và tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước kết hợp với việc phát huy tốt hơn nữa vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội khác. Đồng thời tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách nhằm tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi cho KTTN để khuyến khích mọi nguồn vốn nhàn rỗi của các tầng lớp nhân dân đầu tư vào sản xuất kinh doanh; ngân hàng cần tạo điều kiện thuận lợi cho các DNTN tiếp cận nguồn vốn vay với lãi suất phù hợp; Quỹ hỗ trợ đầu tư cần có chính sách hợp lý trong việc hỗ trợ vốn kinh doanh cho các DNTN, nhất là về lãi suất cho vay.

Bên cạnh đó, các DNTN cũng chủ động giải quyết khó khăn về vốn đầu tư thông qua huy động vốn bằng nhiều kênh khác nhau như liên doanh, liên kết với các thành phần kinh tế khác trong nước và thu hút vốn đầu tư nước ngoài,...tính toán lại phương án sản xuất kinh doanh của mình để tránh rủi ro thị trường lẫn rủi ro về lãi suất.

Thứ hai, nâng cao trình độ quản lý cho các chủ DN và nâng cao tay nghề cho người lao động. Thúc đẩy DNTN ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

Tập trung hỗ trợ DNTN đổi mới, sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực thông qua việc khuyến khích, hỗ trợ DNTN đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ; kết nối doanh nghiệp, ý tưởng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo với các nhà đầu tư, quỹ đầu tư; thúc đẩy hình thành và phát triển các khu công nghệ cao, các vườn ươm công nghệ cao và các doanh nghiệp khoa học công

nghe; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, trong đó, đội ngũ cán bộ, công chức, cần có sự đột phá trong tư duy và hành động; Kiên trì đổi mới, hoàn thiện và tổ chức thực hiện thật tốt luật pháp, cơ chế, chính sách phù hợp với quy luật thị trường và thông lệ, chuẩn mực quốc tế; xóa bỏ mọi định kiến, rào cản; cải cách mạnh các thủ tục hành chính rườm rà, tạo điều kiện thuận lợi cho DNTN phát triển,...

Thứ ba, tạo cơ chế, môi trường công bằng giữa doanh nghiệp khu vực DNTN với loại hình doanh nghiệp khác. Chính phủ Việt Nam nên tiếp tục thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn về thuế cho DN nhỏ và vừa, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ các quy định về cấp phép kinh doanh, xuất nhập khẩu, quản lý thị trường. Quản lý thực hiện kế hoạch phát triển, trong đó, nhấn mạnh vào những giải pháp về thành lập Quỹ hỗ trợ, tổ chức thực hiện các Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia.

Thứ tư, việc phát triển loại hình DNTN tại tỉnh Đắk Lắk cần tập trung và ưu tiên vào các ngành nghề có lợi thế của địa phương, có quy mô lớn, làm động lực phát triển công nghiệp; tạo điều kiện phát triển công nghiệp phụ trợ, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn; phát triển những ngành, nghề tinh cần và ngành thu hút nhiều lao động, sử dụng lao động tại chỗ, lao động của địa phương. Tiếp tục đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa các DN nhà nước.

Thứ năm, Nhà nước cần xem xét, ưu tiên bố trí vốn đầu tư công và các chính sách thu hút đầu tư khác, sớm xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông để phát triển. Hạ tầng giao thông phải đồng bộ giữa nông thôn và thành thị. Việc này sẽ tháo gỡ rào cản và tạo điều kiện cho các thành phần KTTN ở Đắk Lắk phát triển sản xuất, tiêu thụ hàng hóa nông, lâm sản thuận lợi. Thực tế cho thấy, Đắk Lắk là tỉnh miền núi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống cho nên vấn đề sản xuất, kinh doanh ở khu vực nông thôn gặp nhiều khó khăn. Nếu có phương án phù hợp, đầu tư hạ tầng đồng bộ giữa giao thông thành thị và giao thông nông thôn sẽ thu hút và thúc đẩy phát triển công nghiệp nông thôn gắn với vùng nguyên liệu sẽ là bước đột phá mới trong xây dựng nông thôn mới. Khi hạ tầng nông thôn phát triển, giá trị đất đai tăng lên, chi phí vận chuyển thấp hơn, tiêu thụ sản phẩm nông sản tốt hơn,... sẽ thúc đẩy KTTN phát triển.

Kết luận

Đắk Lắk là địa bàn quan trọng của khu vực Tây Nguyên về kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng. Từ sau khi đất nước tiến hành đổi mới (1986) và kinh tế nhiều thành phần được mở rộng, đã thúc đẩy KTTN phát triển. Trong những năm qua, KTTN được chú trọng trên cả nước nói chung trong đó có tỉnh Đắk Lắk. Những thành tựu đạt được của DNTN góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế, huy động các nguồn lực vào sản

xuất kinh doanh, tạo thêm nhiều việc làm, cải thiện đời sống nhân dân, tăng tích lũy, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Tuy nhiên, lĩnh vực KTTN ở Đắk Lắk còn nhiều thách thức và hạn chế. Cơ chế, chính sách khuyến khích KTTN phát triển còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ; KTTN chưa đáp ứng được vai trò là một động lực quan trọng của nền kinh tế, có quy mô nhỏ, chủ yếu vẫn là kinh tế hộ; tình trạng thiếu vốn, thiếu lao động tay nghề cao và trình độ quản lý DN diễn ra phổ biến; các DN chưa khai thác được tiềm năng và thế mạnh của tỉnh; Việc áp dụng KHKT vào sản xuất còn hạn chế... nên cần có những điều chỉnh từ các cấp trung ương đến địa phương và bản thân các DN để khắc phục những hạn chế và đưa KTTN ngày càng trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tài liệu tham khảo

- Ayyagari, M., & Beck, T. (2003). *Small and medium enterprises across the globe: a new database*, Vol. 3127. World Bank Publications.
- Ban Chấp hành Trung ương (2017). *Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 3 tháng 6 năm 2017. “Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển KTTN trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”*. Hà Nội
- CIEM (2018). “Chuyên đề số 18: Phát triển kinh tế tư nhân và cơ cấu lại nền kinh tế trong điều kiện 4.0”. <http://www.ciem.org.vn>. Truy cập tháng 8.2022
- Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk (2020). *Niên giám thống kê*. Hà Nội: Thống kê.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Tập 1. Hà Nội: Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Sở Công thương tỉnh Đắk Lắk (2020). *Báo cáo hoạt động tài chính của các doanh nghiệp tư nhân ở tỉnh Đắk Lắk*. Đắk Lắk.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk (2020). *Báo cáo số 593/SKHĐT-DN về việc Báo cáo Tổng kết việc thực hiện kế hoạch số 87-KH/TU ngày 17.11.2009 của Ban Thường vụ tỉnh ủy*. Đắk Lắk.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk (2020). *Đề án hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2020 - 2025 định hướng đến năm 2030*. Đắk Lắk.
- Tỉnh ủy tỉnh Đắk Lắk (2009). *Kế hoạch số 87-KH/TU, ngày 17.11.2009 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Đắk Lắk về “Xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể trong các DNTN và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài” theo tinh thần “phát triển KTTN trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”*. Đắk Lắk.
- Tổng cục Thống kê (2020). *Niên giám Thống kê*, Hà Nội: Thống kê.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2020). Báo cáo Kết quả thực hiện Công điện số 01/CĐ-KHĐT ngày 03.4.2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về biện pháp đảm bảo sức khỏe nhân dân, an sinh xã hội và nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, giữ gìn an ninh trật tự và ổn định xã hội trong bối cảnh tác động của dịch Covid-19 (tính đến ngày 15.5.2020). Đắk Lắk.

Zhang, C. (2019). "How much do state-owned enterprises contribute to China's GDP and employment?". World Bank Publications. <https://openknowledge.worldbank.org/>. Retrieved 8.2022.